

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2023-2024)
LỚP K16A-D3B (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

				Số Đvht :		6	3	5	4	4			
				Số thứ tự :		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)			
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HD	BH	DLN	KETING	KNT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
1	16011018	Hoàng Thị Kim	Ngân	22/08/2004	6.6	5.6	6.2	7.2	7.8	6.7	T.bình khá		
2	16011018	Phan Thị Hồng	Ngát	11/12/2004	6.8	1.9	6.8	7.8	6.4	6.2	T.bình khá		1=20.0%(2:0)
3	16011019	Bùi Thị Hồng	Ngọc	07/01/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
4	16011015	Hoàng Hiền	Nhi	19/05/2004	8.6	7.0	6.8	8.0	6.3	7.4	Khá		
5	16011010	Trần Thị Ngọc	Oanh	05/04/2003	8.1	6.4	6.7	7.8	5.0	6.9	T.bình khá		
6	16011016	Phạm Thị Kim	Oanh	25/10/2004	7.8	7.3	7.0	8.0	8.3	7.7	Khá		
7	16011016	Võ Thị Kim	Oanh	12/12/2004	7.2	7.6	7.3	7.4	8.2	7.5	Khá		
8	16011010	Lường Văn	Phương	12/11/2004	7.5	6.8	6.5	6.6	7.5	7.0	Khá		
9	16011009	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/04/2004	7.5	7.2	6.7	7.8	7.0	7.2	Khá		
10	16011010	Trần Thị	Quỳnh	15/01/2001	7.2	7.1	6.9	7.8	8.4	7.4	Khá		
11	16011016	Phạm Thị Như	Quỳnh	03/12/2004	7.5	6.9	7.5	7.8	7.9	7.5	Khá		
12	16011011	Phạm Văn	Tâm	04/08/2003	6.6	6.3	6.7	7.6	7.7	7.0	Khá		
13	16011012	Nguyễn Thị	Thắm	06/07/2004	7.7	5.9	7.2	7.8	7.5	7.3	Khá		
14	16011033	Nguyễn Phương	Thanh	04/10/2004	7.4	6.5	7.2	7.8	7.6	7.3	Khá		
15	16011015	Hoàng Anh	Thư	25/03/2004	7.8	6.2	6.2	8.0	6.0	6.9	T.bình khá		
16	16011015	Hoàng Trung	Thực	01/09/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
17	16011014	Nguyễn Duy	Toại	01/09/2003	3.6	6.6	6.5	2.2	5.0	4.7	Yếu		2=40.0%(4:0)
18	16011009	Nguyễn Thị	Trang	26/10/2004	6.4	6.9	6.9	8.0	7.9	7.1	Khá		
19	16011017	Nguyễn Quỳnh	Trang	06/10/2004	6.6	6.7	6.9	8.0	7.2	7.0	Khá		

				Số Đvht :	6	3	5	4	4				
				Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)				
TT	Mã số	Họ và tên		Ngày sinh	HD	BH	DLCN	KT MARKETING	KNT	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
20	16011019	Lương Thị Ngọc	Trang	23/03/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
21	16011011	Trần Thị	Uyên	01/09/2004	8.7	7.9	7.5	7.8	8.1	8.0	Giỏi		
22	16011014	Nguyễn Thảo	Vân	15/01/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>2.1</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.5	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
23	16011018	Trần Thị Thúy	Vân	01/10/2004	6.7	<u>1.0</u>	<u>4.3</u>	7.8	8.0	5.8	Trung bình		2=40.0%(2:0)
24	16011030	Vũ Thị Thanh	Vân	21/10/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)
25	16011011	Trần Anh	Văn	27/01/2000	7.0	5.8	6.6	7.2	6.8	6.7	T.bình khá		
26	16011020	Lê Hà	Vi	29/03/2004	6.8	6.9	7.1	7.8	<u>1.6</u>	6.1	T.bình khá		1=20.0%
27	16011019	Lê Thế	Vinh	09/12/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		5=100.0%(2:0)(4:0)

Xếp loại học tập: Xuất sắc: 0 (0.0%), Giỏi: 1 (3.7%), Khá: 12 (44.4%), T.bình khá: 6 (22.2%), Trung bình: 1 (3.7%), Yếu: 7 (25.9%),
Xếp loại rèn luyện: Xuất sắc: 0 (0.0%), Tốt: 0 (0.0%), Khá: 0 (0.0%), Trung bình: 0 (0.0%), Yếu: 0 (0.0%),

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

TPHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Thanh Sơn

Ghi chú:

(1) HD: HÓA DƯỢC

(2) BH: BỆNH HỌC

(3) DLCN: DƯỢC LÝ CHUYÊN NGÀNH

(4) KT&MARKETING DƯỢC : KT VÀ MARKTING

(5) KNT: KN THUỐC